

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2023.

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2023 tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/7/2023 (theo Quyết định chuyển vụ án số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2023 của TAND thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) về việc tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1980; vắng mặt.

Địa chỉ: Số y, khóm Đ, phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T sinh năm 1970; vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm x, thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị L và anh T đều trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 18/9/2007. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính nết nhau và đã sống ly thân từ khoảng năm 2010 cho đến nay. Nay, chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; chị L đề nghị được ly hôn anh T, anh T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị L, anh T khai nhận có hai con là Nguyễn Đức G, sinh ngày 04/01/2008; Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 28/4/2010; hiện tại cháu G do anh T nuôi dưỡng; cháu T do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L và anh T thống nhất: Chị L

nuôi dưỡng cháu T; anh T nuôi dưỡng cháu G; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị L, anh T đều không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử, chị L được ly hôn anh T. Giao cháu G cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng; anh T và chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Đức T đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 18/9/2007, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính nết. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên có đủ căn cứ xác định: Tình trạng hôn nhân giữa các bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của đương sự, xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3]. Về quan hệ con chung: HĐXX xác định chị L, anh T có hai con là Nguyễn Đức G, sinh ngày 04/01/2008 và Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 28/4/2010. Hiện tại cháu G do anh T nuôi dưỡng, còn cháu T do chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L, anh T đều có quan điểm chị L nuôi dưỡng cháu T, còn anh T nuôi dưỡng cháu G, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của đương sự phù hợp nguyện vọng của cháu G, cháu T. Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu G cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, tránh xáo trộn về nơi ở cũng như việc học tập, của cháu G, cháu T. Chị L, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản, nợ, công sức: Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Đức G, sinh ngày 04/01/2008 cho anh Nguyễn Đức T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Nguyễn Thị T. T, sinh ngày 28/4/2010 cho chị Bùi Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Thời điểm nuôi dưỡng con chung của các bên đương sự, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003479 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Đ (tỉnh An Giang);
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- TAND TP Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- CC THADS TP Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn